

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **15/2018/HNGĐ-ST**

Ngày **03/4/2018**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Minh Sơn**

2. Ông **Ngô Rô Be**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Cẩm Ni** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2017 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Út N** – sinh năm 1991 (Có mặt)

Trú tại: ấp Thạnh T, xã Thạnh T, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang

*** Bị đơn:** Anh **Lê Út D** – sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Trú tại: ấp Thạnh T, xã Thạnh T, huyện H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Út N trình bày:** Chị N và anh Lê Út D tự quen biết và chung sống với nhau vào ngày năm 2014, không có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, sau đó có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Thạnh T, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 06/3/2017. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 3 tháng mới chung sống với nhau và tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm từ đó hay có lời

qua tiếng lại thường xuyên cự cãi nhau, đánh nhau, anh D bỏ đi làm ăn xa. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể chung sống với nhau được nữa. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2016 đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Lê Thúy V - sinh ngày 01/3/2016. Cháu V đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống chung với chị N.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nay tại Tòa án chị N nhỏ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Út D

- Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Do anh Lê Út D đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên anh D không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Út D với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh D vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai bị đơn vẫn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ”. Xét thấy anh D đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng anh D vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau vào năm 2014 sau đó có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Thạnh T, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 06/3/2017 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay chửi lộn nhau, có lúc vợ chồng đánh nhau, anh D bỏ nhà đi làm ăn xa và không có trách nhiệm với vợ con. Chị N có khuyên nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên không thể chung sống với nhau được nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh D là phù hợp với pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 người con chung là: Lê Thúy V - sinh ngày 01/3/2016. Hiện nay cháu V đã có giấy khai sinh và đang sống chung với chị N. Tại phiên tòa chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị N. Tiếp tục giao cháu Lê Thúy V - sinh ngày 01/3/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa miễn xét.

[6] Về án phí HNST: Buộc chị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010; Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 59, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Út N đối với anh Lê Út D. Cho chị Nguyễn Thị Út N được ly hôn với anh Lê Út D.

2. Về quan hệ con chung: Chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị Nguyễn Thị Út N. Tiếp tục giao cháu Lê Thúy V - sinh ngày 01/3/2016 cho chị Nguyễn Thị Út N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lê Út D không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

3. Về án phí HNST: Buộc chị Nguyễn Thị Út N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007601 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị Nguyễn Thị Út N biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Lê Út D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân H;
- Chi cục THADS huyện Tân H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh T;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha